TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2023
V/v:*"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào;
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Ông Đinh X Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:106/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn,nuôi con khi ly hôn".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:38/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

Nguyên đơn: Anh **Sa Văn TH**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm CH 1, xã KT, huyện TS, tỉnh PT (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Ông Lã Thành Công - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT (vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Phùng Thị X**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Xóm CH 1, xã KT, huyện TS, tỉnh PT (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Ông Bùi Đức Dũng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Sa Văn TH trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 04/12/2012, anh và chị Phùng Thị X đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện TS, tỉnh PT. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều điểm bất đồng. Năm 2018 vợ chồng chính thức ly thân, chị X bỏ về nhà Mẹ đẻ chi ở tại xóm Mu, xã X Đài, huyện TS, tỉnh PT. Trong khoảng thời gian từ năm 2018 cho đến nay, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, cho anh được ly hôn chị Phùng Thị X.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Sa Tiến Ng, sinh ngày

31/7/2014, hiện cháu đang ở cùng anh TH khi ly hôn anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyện, anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía Bị đơn chị Phùng Thị X vắng mặt: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị X đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, TH thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2022 đối với bà Hà Thị Khuộc là Mẹ đẻ chị X cho biết:

Về Hôn nhân: Anh TH; chị X có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện TS, tỉnh PT. Sau khi kết hôn anh TH; chị X về sống chung cùng gia đình nhà anh TH tại xóm CH 1, xã KT, huyện TS, tỉnh PT, tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến 2018 thì phát sinh mâu THẫn nên hai bên đã ly thân, chị X về nhà bà Khuộc sinh sống.

Về con chung: Vợ chồng anh TH; chị X có 01 con chung cháu Sa Tiến Nguyện, sinh ngày 31/7/2014, hiện cháu đang ở cùng anh TH khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh TH là người Dân tộc sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện TS nên không phải chịu án phí theo quy định.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, TH thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh TH; chị X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa THận, hạnh phúc. Mâu THẫn vợ chồng giữa anh TH; chị X là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh TH là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh TH; chị X có 01 con chung cháu Sa Tiến Nguyện, sinh ngày 31/7/2014, hiện cháu đang ở cùng anh TH khi ly hôn. Nguyện vọng của cháu Nguyện được ở cùng anh TH nên giao cháu Nguyện cho anh TH nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh TH không yêu cầu và chị X vắng mặt nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Anh TH là người Dân tộc sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện TS nên không phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh Sa Văn TH có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho anh ly hôn với chị Phùng Thị X. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án THộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh TH có đơn xin xét xử vắng mặt; chị X mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TS xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh TH; chị X trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 04/12/2012, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện TS, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống vơi nhau hạnh phúc đến năm 2018 chị X đã bỏ nhà chồng về nhà Mẹ đẻ chị sinh sống đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh TH; chị X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên xử cho anh Sa Văn TH được ly hôn chị Phùng Thị X là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh TH; chị X có một con chung Sa Tiến Nguyện, sinh ngày 31/7/2014. Nguyện vọng của cháu Nguyện được ở cùng anh TH nên giao cháu Nguyên cho anh TH nuôi dưỡng là phù hợp.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh TH không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh X cố ý vắng mặt nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi anh TH; chị X có yêu cầu thì hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định.

[3]. Về án phí: Anh TH là người Dân tộc sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện nên không phải chịu án phí theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh TH; chị X được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, khoản 1,2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức TH, miễn, giảm, TH, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Sa Văn TH được ly hôn chị Phùng Thị X.

2.Về con chung: Giao cho anh Sa Văn TH nuôi dưỡng cháu Sa Tiến N, sinh ngày 31/7/2014 kể từ tháng 01 năm 2023 đến khi thành niên lao động tự túc được. Chị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung; công nợ và công sức: Anh TH không yêu cầu và chị X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Anh TH là người Dân tộc sinh sống ở xã điều kiện kinh tế khó khăn nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

5.Về quyền kháng cáo: Anh TH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Chị X có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa THận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.